TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HS-ST
Ngày:18-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Quốc Sửu

2.Ông Đào Xuân Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Lan Phương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2018/TLST- HS ngày 21 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Giáp Văn K, sinh ngày 25/10/1992*;* Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn U, xã V, huyện T, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Giáp Văn Thặng, sinh năm 1966; Mẹ đẻ: Đinh Thị Thắng, sinh năm 1969; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có*;* Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T (Có mặt tại phiên tòa).

2. Đinh Văn T, sinh ngày 14/9/1990; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn H, xã V, huyện T, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Đinh Văn Thạch, sinh năm 1964; Mẹ đẻ: Giáp Thị Nga, sinh năm 1965; Vợ: Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1994*;* Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 20/4/2018, Trưởng Công an xã Quế Nham xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (Thăng đã chấp hành được 1.000.000 đồng ngày 14/5/2018); Nhân thân: Ngày 13/10/2011, Chủ tịch UBND huyện Tân Yên có quyết định đưa đi cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Giang, thời hạn 12 tháng. Chấp hành xong ngày 18/10/2012; Bị cáo bị tạm giữ, tạm

giam từ ngày 15/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T (Có mặt tại phiên tòa).

**** Người bị hại:*** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh B.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1956 (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 538, đường T, khu Y, phường K, thành phố B, tỉnh B.

- Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 11/6/2018, Giáp Văn K- sinh năm 1992 ở thôn U, xã V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha- Sirius (K không nhớ biển kiểm soát) đến nhà Đinh Văn T- sinh năm 1990 ở thôn H, xã V rủ T đi trộm cắp tài sản mang đi tiêu thụ lấy tiền chia nhau sử dụng chi tiêu cá nhân. Tại nhà T, K và T bàn bạc với nhau là K và T đi lang thang trên đường xem có gia đình nào sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Sau đó, Kiên điều khiển xe mô tô của Kiên chở T đi theo Quốc lộ 17 xuống khu vực xã Q, huyện T rồi đi qua thôn B, xã Q sang thôn H, xã Q. Đến khoảng 17 giờ 30 phút, khi đi đến khu vực nhà ở của gia đình ông Nguyễn Văn H- sinh năm 1967 ở thôn Hai K, xã Quế N, K và T nhìn thấy gia đình ông H khóa cổng, không có người ở nhà nên K điều khiển xe đi qua cổng nhà ông H một đoạn rồi bảo T: "Nhà đấy chắc không có ai ở nhà, mày vào xem có lấy được gì không", vừa nói K vừa điều khiển xe mô tô chở T quay lại. Khi cách cổng nhà ông H khoảng 30m thì K dừng xe lại để cho T xuống xe và vào bên trong khu vực nhà ở của gia đình ông H để trộm cắp tài sản, sau đó K điều khiển xe ra khu vực bờ đê đứng chờ T. T đi bộ đến khu vực nhà ông H, quan sát thấy cổng chính khóa nhưng cổng phụ nhà ông H mở, T đi qua cổng phụ vào bên trong nhà ông H. Khi vào bên trong nhà ông H, T nhìn thấy ở khu vực sân trước cửa nhà ở có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng-đen-bạc, biển kiểm soát 98B3-104.48, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, thấy có một chiếc chìa khóa khác được cài cùng với chìa khóa xe mô tô, nghĩ đây là chìa khóa cổng nên T rút chiếc chìa khóa này cầm đi ra cổng và sử dụng mở khóa cổng nhưng không mở được. T cầm chìa khóa quay vào chỗ dựng xe mô tô trên dùng chìa khóa của xe mô tô mở cốp xe ra kiểm tra thì thấy bên trong cốp xe có để Đăng ký và Bảo hiểm của xe mô tô biển kiểm soát 98B3-104.48 mang tên anh Nguyễn Trọng H- sinh năm 1996 ở thôn Hai K, xã Quế N, huyện Tân Y (là con trai anh H). Thăng lấy Đăng ký và Bảo hiểm của xe đút vào bên trong túi quần rồi đóng cốp xe lại, rút chìa khóa ra và cắm vào ổ khóa điện của xe. T dắt xe mô tô biển kiểm soát 98B3-104.48 ra ngoài qua cổng phụ rồi ngồi lên yên xe mở khóa điện, nổ máy và điều khiển xe đi đến chỗ K đang đứng chờ. Sau đó, T điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được của gia đình ông H, còn K

điều khiển xe mô tô của K đi qua huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến thành phố B, tỉnh B tìm chỗ tiêu thụ xe mô tô trên. Khi đi đến thành phố B, K bảo với T để K mang xe đi bán, T đồng ý nên T giao xe mô tô cùng Đăng ký và Bảo hiểm của xe trên cho K. Sau đó, K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B3-104.48, T điều khiển xe mô tô của K đến gần quán sửa xe của ông Nguyễn Văn K- sinh năm 1956 ở số nhà 538, đường Thiện Đức, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh thì T đỗ xe lại đứng ngoài chờ, còn K mang xe mô tô biển kiểm soát 98B3-104.48 vào trong quán của ông K để bán. Sau khi xem xe, ông K đồng ý mua chiếc xe mô tô này với giá 8.500.000 đồng nhưng do K không có Chứng minh nhân dân nên ông K chỉ đưa cho K số tiền 7.800.000 đồng, đồng thời yêu cầu K phải viết 02 bản Giấy bán xe, 01 bản ông K giữ, 01 bản K mang về xin xác nhận của địa phương, khi nào K mang Giấy bán xe có xác nhận của chính quyền địa phương đến thì ông K sẽ trả số tiền 700.000 đồng còn thiếu. Sau khi viết Giấy bán xe, K giao cho ông K 01 bản cùng xe mô tô và giấy tờ của xe rồi cầm số tiền 7.800.0000 đồng ông K đưa cho đi bộ ra chỗ T đang đứng đợi, sau đó cùng T đi về. Số tiền bán xe có được, K chia cho T 3.700.000 đồng, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền được chia. Số tiền 4.100.000 đồng còn lại, K sử dụng mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu đen- xám và chi tiêu cá nhân hết.

Đối với gia đình ông Nguyễn Văn H, khi phát hiện bị mất xe mô tô, gia đình ông H đã nhờ người đi tìm đồng thời làm đơn trình báo gửi đến Công an huyện Tân Yên. Khoảng 22 giờ ngày 11/6/2018, khi biết xe mô tô biển kiểm soát 98B3-104.48 là do trộm cắp mà có, ông K đã giao nộp cho Công an huyện Tân Yên chiếc xe mô tô này cùng Đăng ký, Bảo hiểm của xe và Giấy bán xe mang tên người bán là Nguyễn Trọng H.

Đến ngày 15/6/2018, K đã đến Công an huyện Tân Yên đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu đen xám. Căn cứ vào lời khai của K, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đinh Văn T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 36/KL-ĐGTS ngày 18/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Yên định giá: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave @, màu sơn trắng-đen-bạc, biển kiểm soát 98B3-104.48, xe đã qua sử dụng có giá trị 17.100.000 đồng.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 20/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố các bị cáo Giáp Văn K và Đinh Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo K, T thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại ông Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa khai như sau: Ông H xác nhận đặc điểm chiếc xe của gia đình ông bị mất như các bị cáo khai. Ngày 22/6/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Yên đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại chiếc xe trên và các giấy tờ xe cho ông. Đến nay, ông yêu cầu T và K phải bồi thường cho ông số tiền 2.000.000 đồng mà gia đình ông đã chi phí khi đi tìm xe và đã bị mất một số giấy tờ của xe khác phải làm lại. Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu bị cáo K và T phải bồi thường cho gia đình ông số tiền 2.000.000 đồng trên. Về hình phạt đối với các bị cáo ông H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K có mặt tại phiên tòa khai như sau: Đối với ông khi mua chiếc xe biển kiểm soát 98B3-104.48, thì ông không biết chiếc xe này là do K và T phạm tội mà có vì ông thấy có đầy đủ giấy tờ xe và ông kiểm tra ổ khóa không thấy có biểu hiện phá khóa nên ông tin các bị cáo, ông đã mua chiếc xe trên với giá 7.800.000 đồng. Tại phiên tòa, ông K giữ nguyên yêu cầu đề nghị các bị cáo phải trả lại ông số tiền 7.800.000 đồng mà ông đã bỏ ra mua chiếc xe trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng H vắng mặt tại phiên tòa khai như sau: Anh có sở hữu và đứng tên chủ sở hữu chiếc xe mô tô loại xe Honda Wave màu sơn trắng-đen BKS 98B3-104.48, đây là chiếc xe bố mẹ anh mua cho anh để anh làm phương tiện đi lại, chiếc xe mang đăng ký tên anh là Nguyễn Trọng H. Tháng 3/2018 anh đi nghĩa vụ quân sự và đóng quân tại trung đoàn 2. Khi đi thì anh để lại chiếc xe mô tô trên cho bố anh là ông Nguyễn Văn H làm phương tiện đi lại. Nay anh không có đề nghị gì về nội dung vụ việc trên (Bút lục 88-89).

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Giáp Văn K, Đinh Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Giáp Văn K và Đinh Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giáp Văn K từ 10 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/6/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Văn T từ 13 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/6/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo K phải bồi thường cho ông K số tiền 4.100.00 đồng và bồi thường cho ông H số tiền 1.000.000 đồng; Buộc bị cáo T phải bồi thường cho ông K số tiền 3.700.000 đồng và bồi thường cho ông H số tiền 1.000.000 đồng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại

Iphone 5s màu đen xám; Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Kiên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ của vụ án đã rõ ràng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Hoạt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo K, T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp, vật chứng thu giữ và kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Yên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/6/2018, tại nhà ở của gia đình ông Nguyễn Văn H- sinh năm 1967 ở thôn Hai K, xã Quế N, huyện Tân Y, tỉnh B. Giáp Văn K và Đinh Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp của gia đình ông H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng-đen-bạc, biển kiểm soát 98B3-104.48 có trị giá 17.100.000 đồng.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo K, T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đã có hành vi lợi dụng sơ hở của người bị hại để chiếm đoạt tài sản, các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự anh ninh tại địa phương. Vì vậy, vụ án cần phải được xử lý nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Xét thấy vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Các bị cáo K, T trong vụ án này là đồng phạm giản đơn, bị cáo K rủ T đi trộm cắp, T đồng ý, có bàn bạc đi trộm cắp tài sản để lấy tiền chia nhau chi tiêu cá nhân nhưng giữa các bị cáo không phân công công việc cụ thể. K đã là người trực tiếp tiêu thụ tài sản trộm cắp và chia tiền cho T, bị cáo K có nhân thân tốt. Còn bị cáo T có nhân thân xấu ngày 20/4/2018 đã bị Trưởng Công an xã Quế Nham xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo T không lấy đó làm bài học để tu dưỡng lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy trong vụ án này vai trò của bị cáo K là chính, cao hơn bị cáo T.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội

của mình, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Riêng bị cáo K sau khi tội phạm bị phát hiện, K đã tự nguyện đến Công an huyện Tân Yên đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Không có.

Từ những phân tích trên, đánh giá về vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo với xã hội trong một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật.

Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo, tuy nhiên xét thấy các bị cáo K, T nghề nghiệp làm ruộng, bị cáo K hiện sống chung cùng bố mẹ, các bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo K, T .

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn H: Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B3-104.48 đăng ký mang tên Nguyễn Trọng H- sinh năm 1996, địa chỉ: thôn Hai K, xã Quế N, huyện Tân Y (con trai của ông H). Do anh H đang đi nghĩa vụ quân sự, không có nhu cầu đi lại nên đã để ở nhà cho ông H để làm phương tiện đi lại. Ngày 22/6/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Yên đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho ông H chiếc xe này.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H yêu cầu T và K phải bồi thường cho ông số tiền 2.000.000 đồng mà gia đình ông đã chi phí khi đi tìm xe và mất một số giấy tờ xe của xe khác phải làm lại thì thấy: Tuy tại phiên tòa ông H không đưa ra được căn cứ chứng minh ngày công, chi phí đi tìm xe và các giấy tờ đã mất nhưng tại phiên tòa các bị cáo K, T nhất trí bồi thường cho ông H số tiền 2.000.000 đồng. Do vậy, cần buộc bị cáo K phải bồi thường cho ông H 1.000.000 đồng và bị cáo T bồi thường cho ông H 1.000.000 đồng là hợp lý.

- Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn K: Ông Khôi khi mua chiếc xe biển kiểm soát 98B3-104.48, ông K không biết chiếc xe này là do các bị cáo K, T phạm tội mà có nên ông K không vi phạm pháp luật. Nay ông K yêu cầu T và K phải trả lại ông số tiền 7.800.000 đồng ông đã bỏ ra mua xe thì thấy: Trong vụ án này sau khi bị cáo K bán được xe với số tiền 7.800.000 đồng cho ông K và K đã chia cho T 3.700.000 đồng, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền được chia, số tiền 4.100.000

đồng K sử dụng mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu đen-xám trị giá 1.700.000 đồng và số tiền còn lại K chi tiêu cá nhân hết. Hội đồng xét xử thấy cần buộc các bị cáo K, T hoàn trả lại số tiền trên cho ông K là có căn cứ, buộc K phải trả lại cho ông K số tiền 4.100.000 đồng và bị cáo T phải trả cho ông K là 3.700.000 đồng.

[8] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B3-104.48 Đăng ký mang tên Nguyễn Trọng H, sinh năm 1996 ở thôn Hai Khê, xã Quế Nham, huyện Tân Yên (con trai của ông H). Ngày 22/6/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Yên đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho ông H chiếc xe và các giấy tờ xe nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu đen-xám IMEI 013886009249241 do K giao nộp cho Cơ quan điều tra khi đầu thú là điện thoại K đã sử dụng số tiền bán xe mô tô trộm cắp được của gia đình ông H để mua. Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha- sirius, màu trắng- đen, K và T sử dụng vào việc phạm tội, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, K đã bán chiếc xe này cho một người đàn ông không quen biết được 2.000.000 đồng. Do K không nhớ được biển kiểm soát của xe nên không xác định được chiếc xe mô tô này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Giáp Văn K;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đinh Văn T;

[1] Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Giáp Văn K, Đinh Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Giáp Văn K 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/6/2018.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/6/2018.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo K, T mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng chẵn).

Buộc các bị cáo K, T phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 7.800.000 đồng (bẩy triệu tám trăm nghìn đồng chẵn). Cụ thể bị cáo K phải trả ông K số tiền 4.100.000 đồng (bốn triệu một trăm nghìn đồng chẵn); bị cáo T phải trả ông K số tiền 3.700.000 đồng (ba triệu bẩy trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[4] Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu đen xám có số IMEI 013886009249241 điện thoại cũ đã qua sử dụng.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo K, T mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo K, T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các bị cáo
- Người CQLNVLQ vắng mặt;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân